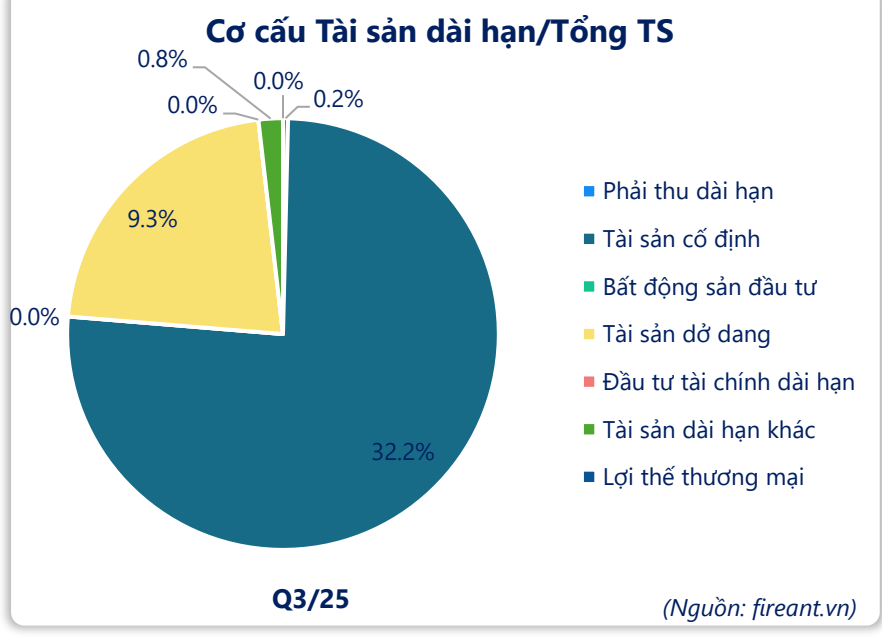
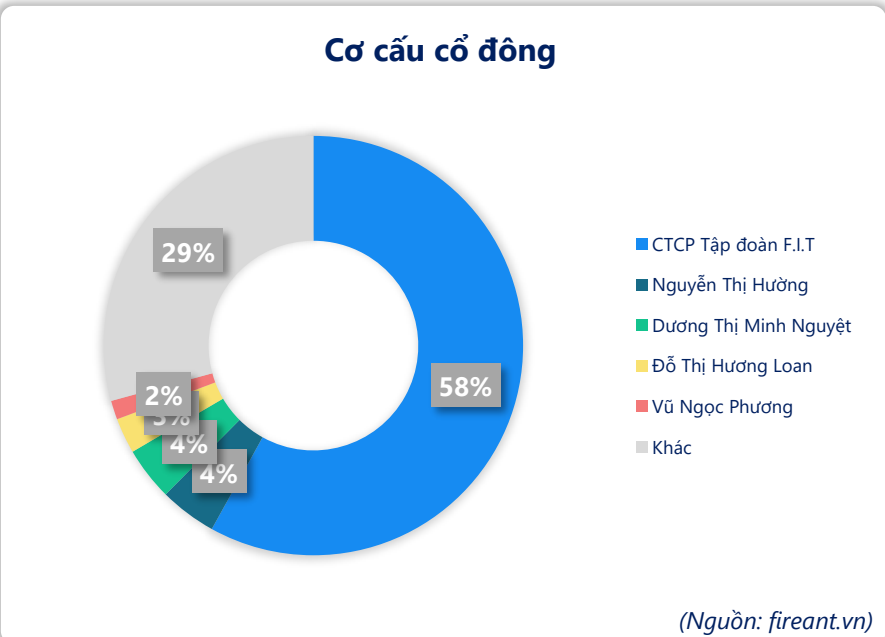
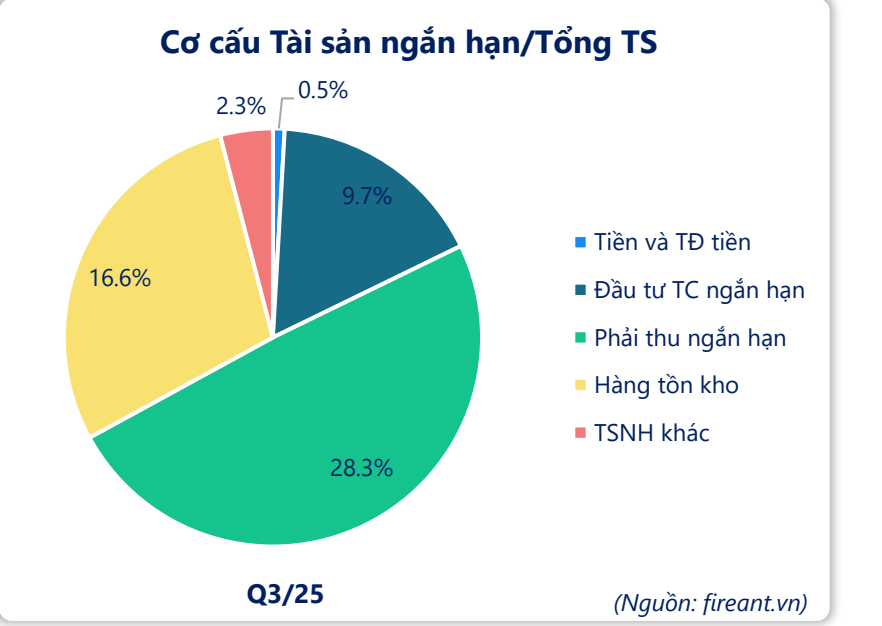
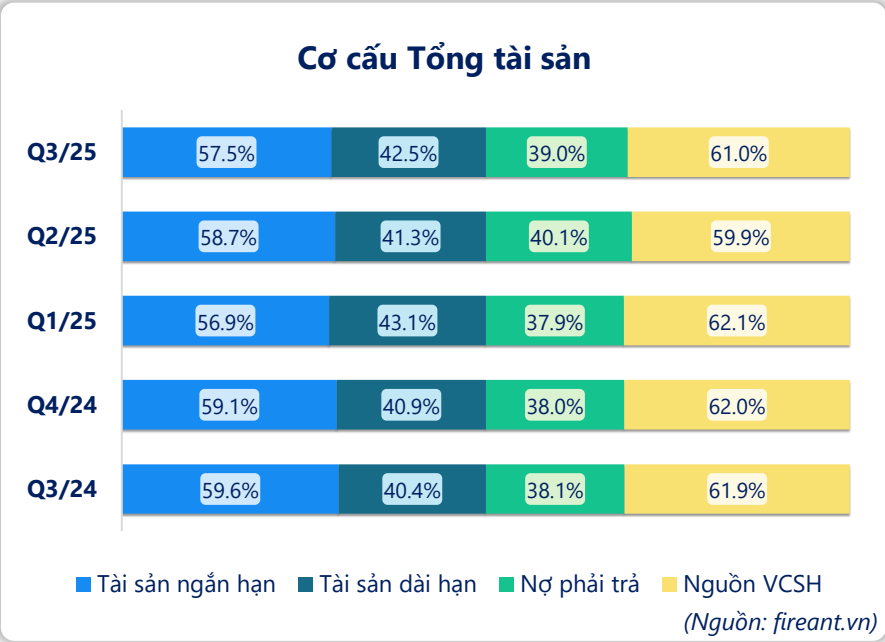
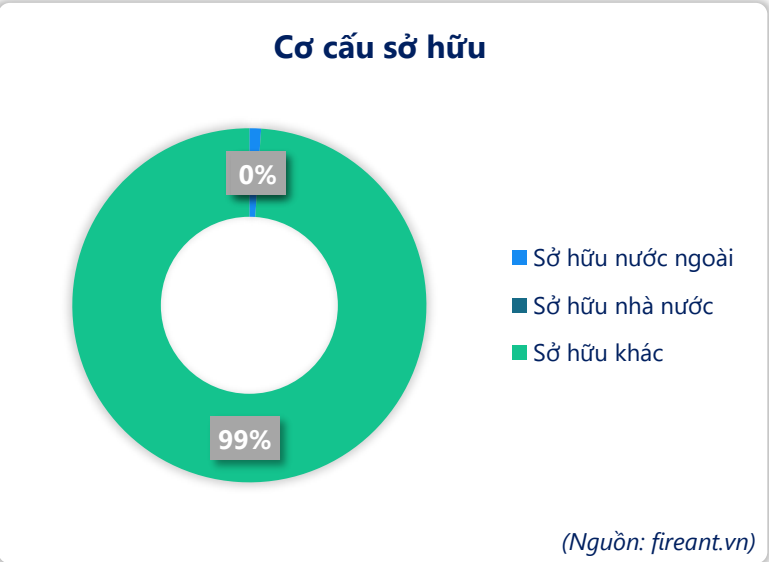
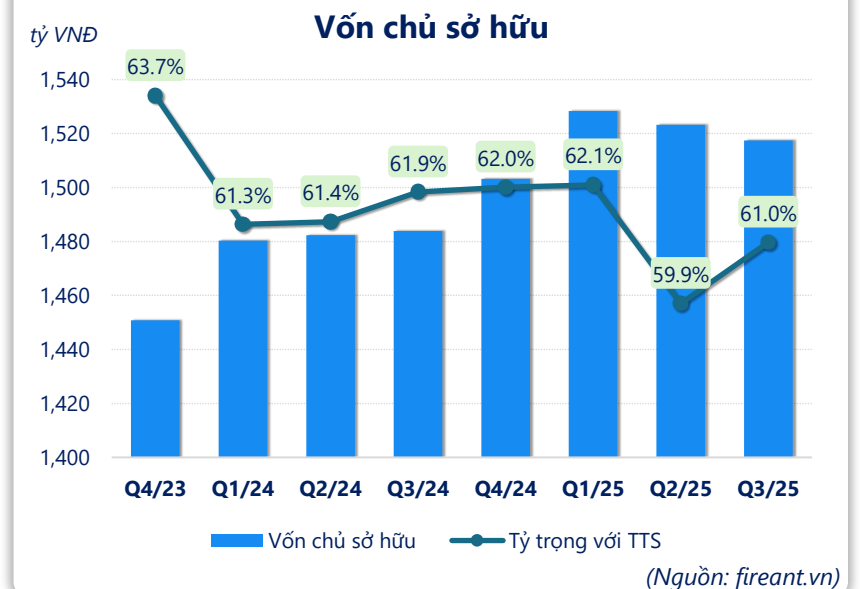
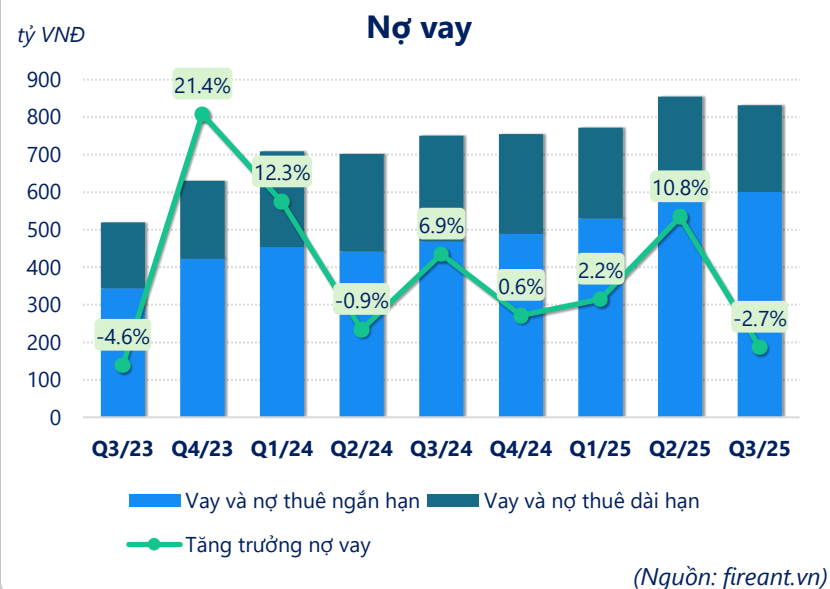
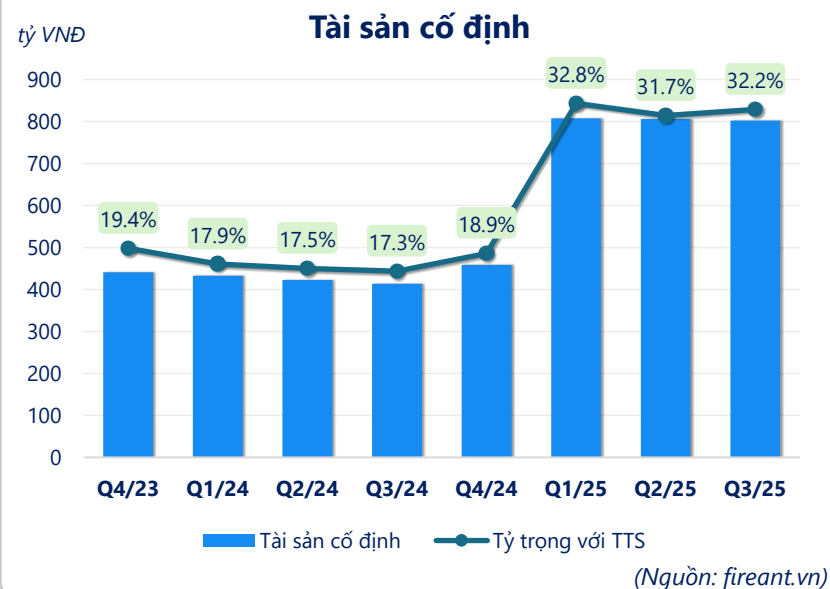
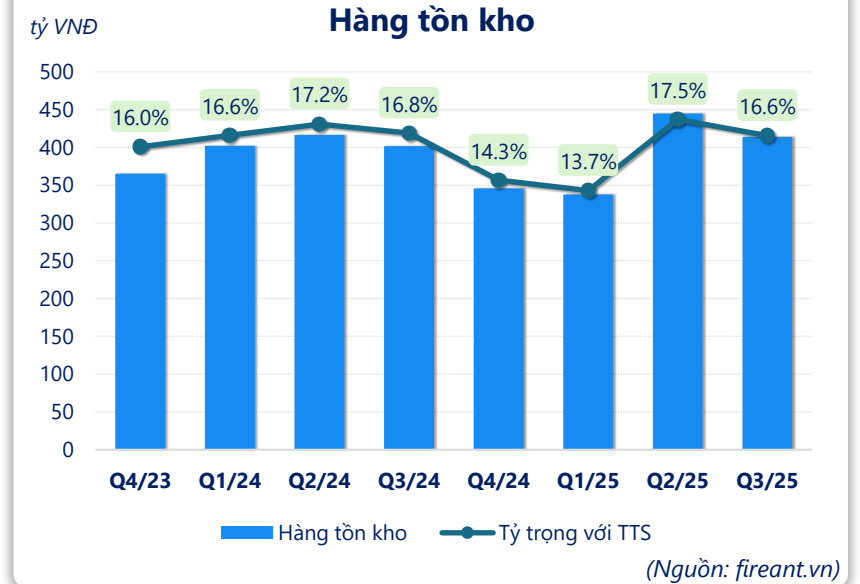
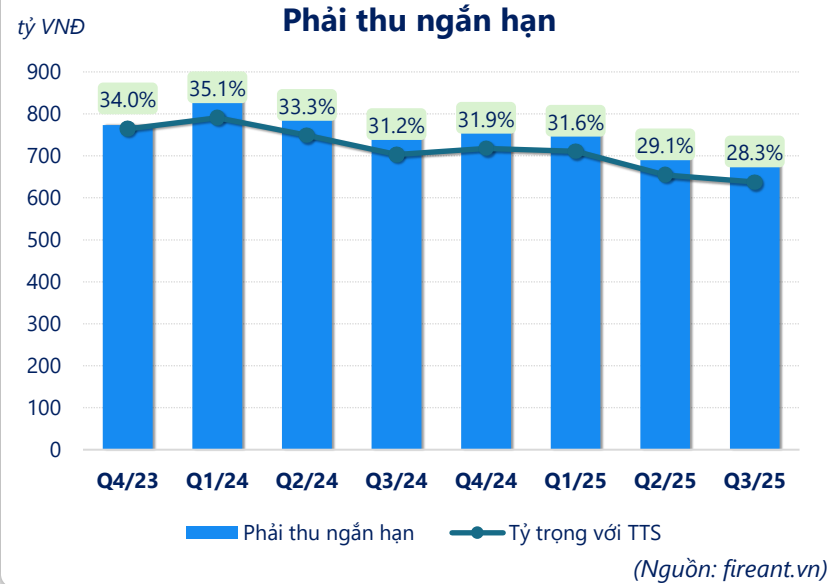
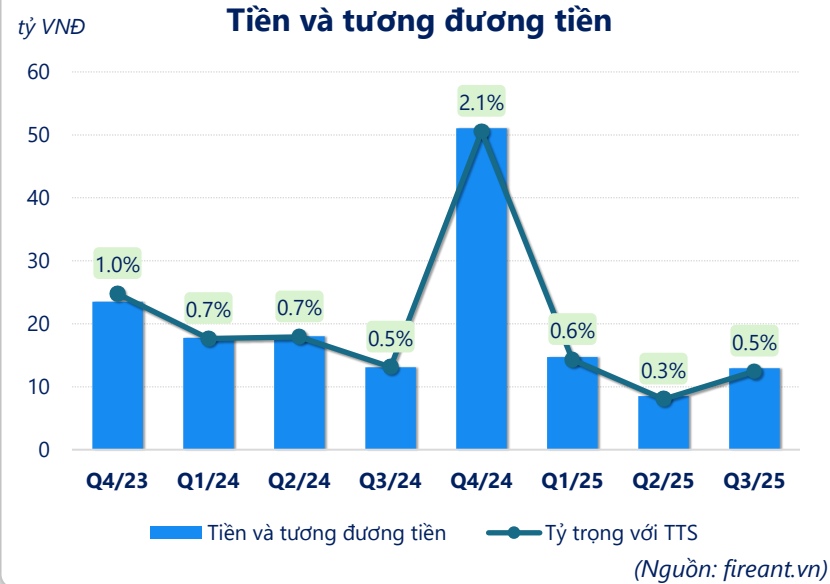
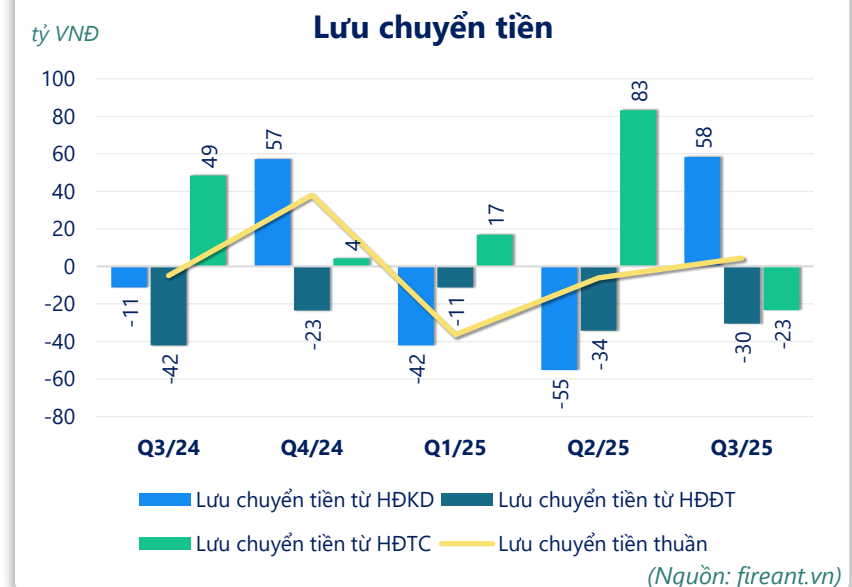
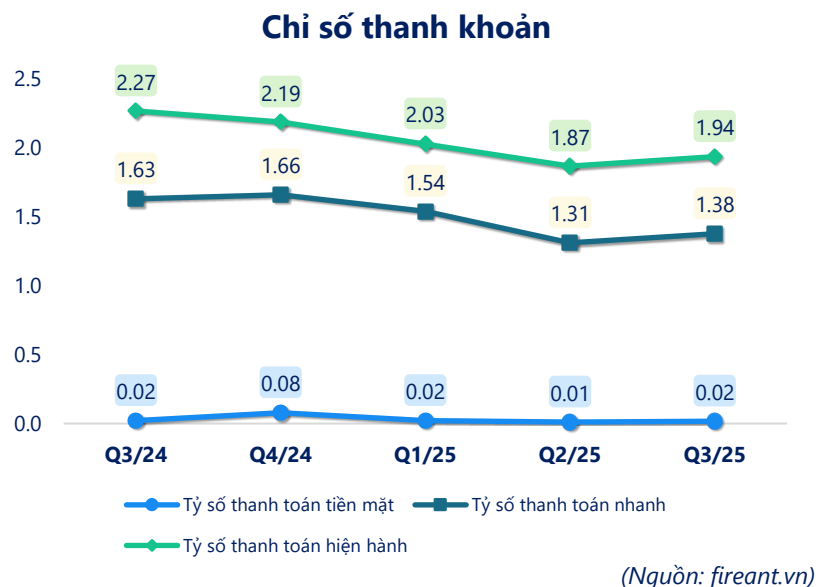
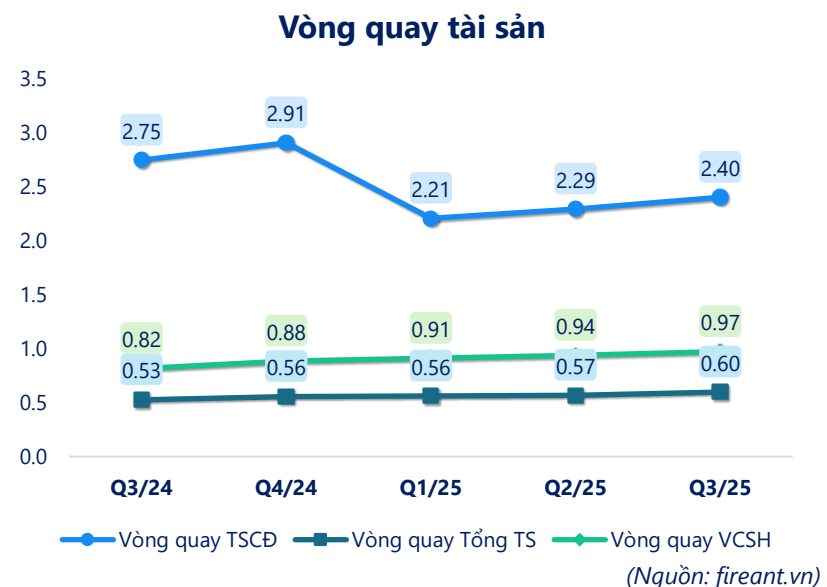
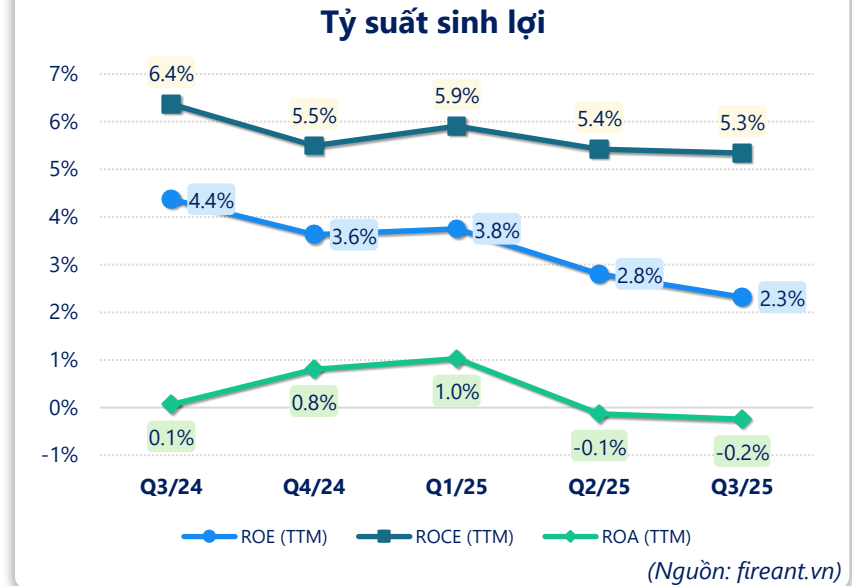
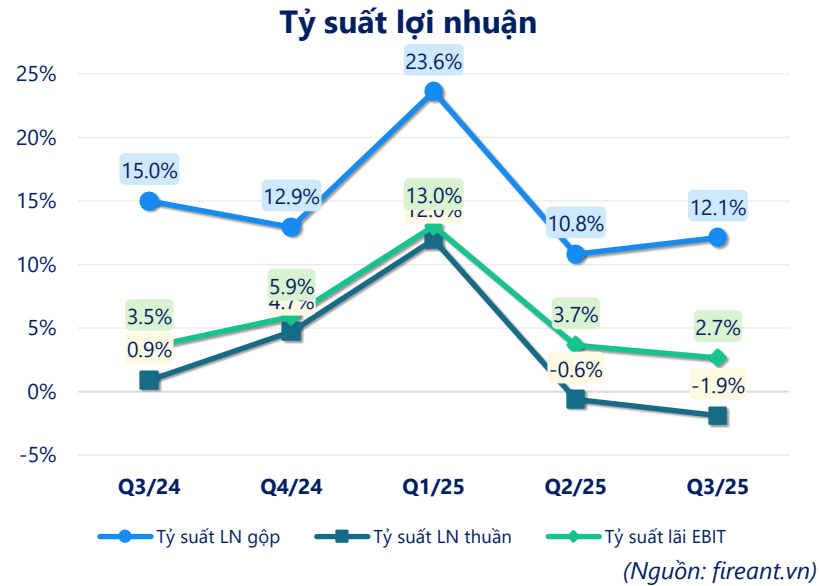
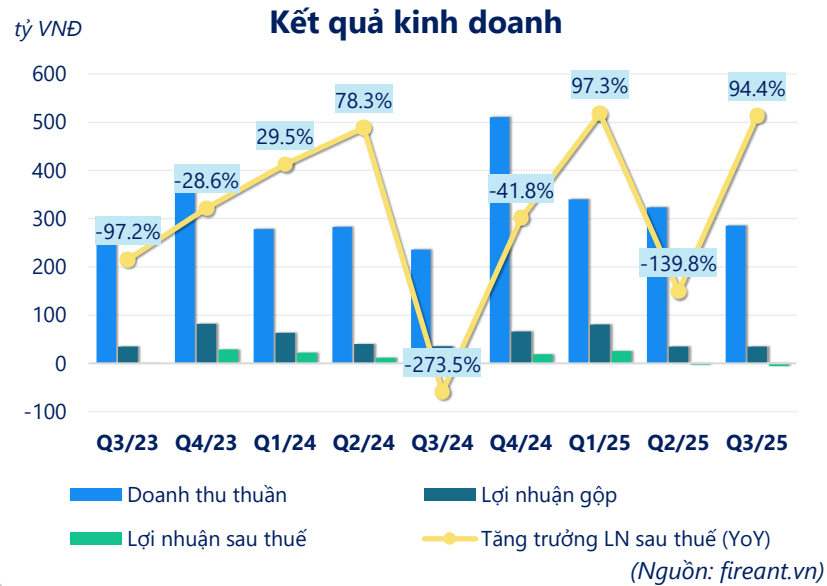


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		30,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,850
SL cổ phiếu LH		73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)		679,615
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,093
P/E		60.2
EPS		476

	YTD	1T	3T	6T
DCL	6.9%	35.1%	24.6%	19.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,488	2,424	2.6%
Tài sản ngắn hạn	1,432	1,432	0.0%
Tiền và tương đương tiền	12.9	51.1	-74.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	242	215	12.6%
Phải thu ngắn hạn	705	774	-8.8%
Hàng tồn kho	414	346	19.7%
Tài sản ngắn hạn khác	58.2	46.8	24.3%
Tài sản dài hạn	1,056	992	6.5%
Phải thu dài hạn	3.98	3.79	5.1%
Tài sản cố định	802	458	74.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	231	514	-55.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	19.3	15.7	23.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	971	921	5.4%
Nợ ngắn hạn	740	655	13.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	601	489	22.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	89.7	105	-14.7%
Nợ dài hạn	231	266	-13.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	231	266	-13.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,517	1,503	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,517	1,503	1.0%
Vốn điều lệ	730	730	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	236	510	340	323	286
Giá vốn hàng bán	200	444	260	288	251
Lợi nhuận gộp	35.4	66.0	80.3	35.0	34.7
Doanh thu HĐTC	8.69	7.94	7.49	8.22	8.22
Chi phí TC	5.99	6.02	10.2	13.7	13.0
Chi phí lãi vay	5.98	6.00	10.1	13.5	13.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	20.4	29.1	20.5	16.2	19.3
Chi phí QLDN	15.6	14.7	16.4	15.3	16.0
LN thuần từ HĐKD	2.12	24.1	40.7	-1.98	-5.38
Lợi nhuận khác	0.20	0.00	-6.51	0.31	0.01
LN trước thuế	2.32	24.1	34.2	-1.66	-5.37
Lợi nhuận sau thuế	1.56	19.1	25.2	-3.07	-5.79
LNST của CĐ cty mẹ	1.41	18.9	25.0	-3.22	-5.94

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.3	57.2	-42.1	-55.2	58.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-42.1	-23.5	-11.2	-34.2	-30.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	48.5	4.24	16.9	83.2	-23.4
Tiền đầu kỳ	18.0	13.1	51.1	14.7	8.51
Lưu chuyển tiền thuần	-4.89	38.0	-36.4	-6.18	4.40
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.02	0.00	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	13.1	51.1	14.7	8.51	12.9

(Nguồn: fireant.vn)